TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN M** **THÀNH PHỐ H** **----- *&* -----**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ---------- *&*----------

Bản án số: 284/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 31/8/2023
"*V/v: T/C Hôn nhân và gia đình"*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M, THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Minh Đăng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Dương Thị Kim Lan

2. Bà Ngô Thị Kim Yến

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Ân – Thư ký TAND huyện M.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thùy Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 158/2023/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2023, về việc tranh chấp xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 85/2023/QĐXX-ST ngày 14 tháng 8 năm 2023, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Thị T, sinh năm 1979. Nơi ĐKHKTT: Thôn Tr, xã Tr, huyện M, thành phố H. Nơi ở hiện nay: Thôn N, xã N, huyện K, tỉnh H.

- Bị đơn: Anh Trần Văn Th, sinh năm 1970. Nơi cư trú: Thôn Tr, xã Tr, huyện M, thành phố H.

(Tại phiên tòa chị T có mặt, anh Th vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Bùi Thị T trình bày: Chị T kết hôn với anh Trần Văn Th ngày 20/12/2021, đăng ký kết hôn tại UBND xã Tr, huyện M, thành phố H. Trước khi kết hôn hai bên tự nguyện tìm hiểu đến với nhau, không bị ai ép buộc. Trước khi kết hôn với chị thì anh Th có kết hôn với 03 người phụ nữ khác và đều đã ly hôn và chị T cũng đã kết hôn 01 lần và đã ly hôn năm 2018. Tại phiên tòa chị T xác

định năm 2019, sau khi chị T ly hôn thì chị và anh Th có chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đi đăng ký kết hôn. Do điều kiện công việc của chị T đi làm tại tỉnh L chỉ vào dịp nghỉ hè và nghỉ tết thì chị T về nhà anh Th chung sống cùng anh Th và trông nom 02 cháu nội của anh Th. Đến tháng 9/2021 chị T chuyển công tác về huyện K, tỉnh H làm việc. Đến ngày 20/12/2021, chị T và anh Th đi đăng ký kết hôn tại UBND xã Tr. Sau khi đăng ký kết hôn với anh Th chị T vẫn làm việc tại huyện K, tỉnh H, vào dịp cuối tuần giữa tháng và cuối tháng thì chị T mới về Tr chung sống cùng anh Th, anh Th ở nhà một mình vì các con của anh Th đều sinh sống và làm việc tại tỉnh Bắc Ninh. Vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến tháng 3/2022 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân, do anh Th thường xuyên uống rượu say rồi chửi bới chị rất nhiều lần. Ngoài ra anh Th còn chơi bời cờ bạc không chăm lo làm ăn kinh tế, không lo cho gia đình. Cuối tháng 3/2022, do anh Th uống rượu say ném hết đồ đạc của chị và thu gom hết đồ đạc của chị đang làm ở huyện K không cho chị sử dụng và cầm cố hết giấy tờ nhà đất để chơi cờ bạc. Ngày 30/4/2022, chị đã về nhà anh Th nhờ chị gái anh Th chuộc lại giấy tờ nhà đất. Sau đó anh Th có xin lỗi để vợ chồng hòa giải về đoàn tụ chung sống. Đến dịp tết âm lịch năm 2023, vợ chồng lại tiếp tục xảy ra mâu thuẫn và cãi nhau, chị T đã dọn về huyện K, H sinh sống, anh Th cũng nói là không còn tình cảm gì nữa và không ai quan tâm đến nhau nữa. Từ ngày 04/1/2023 (âm lịch) chị T đã dọn hẳn về thuê trọ và sinh sống ở thôn N, xã N, huyện K, H và làm việc tại trường Tiểu học và Trung học cơ sở xã N. Chị và anh Th đã sống ly thân với nhau từ ngày 04/1/2023 (âm lịch) cho đến nay, không quan tâm hỏi thăm gì nhau. Nay chị T xác định không còn tình cảm, không thể tiếp tục chung sống, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn để ổn định tinh thần và ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Không có con chung.

- Tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Trần Văn Th: Qúa trình giải quyết vụ án, ngày 17/6/2023 Tòa án báo gọi triệu tập anh Th và chị T đến Tòa án giải quyết vụ việc xin ly hôn. Tuy nhiên anh Th có đến Tòa án nhưng không hợp tác giải quyết, không làm việc, không khai báo và tự ý bỏ về. Tòa án tiếp tục báo gọi triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh Th đều vắng mặt không có lý do, không đến Tòa án để giải quyết việc ly hôn nên không có lời khai về quan hệ hôn nhân, con chung và tài sản chung.

Tại phiên tòa chị T vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện xin ly hôn và xác định tình cảm không còn, vợ chồng không thể đoàn tụ được, xin được ly hôn với anh Trần Văn Th. Về con chung, tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Về tố tụng, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung, đề nghị chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Bùi Thị T, cho chị T được ly hôn anh Trần Văn Th. Về con chung, tài sản chung, công sức, công nợ: Không xem xét. Về án phí: chị Bùi Thị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên toà. Căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Tại phiên tòa bị đơn anh Trần Văn Th vắng mặt lần 2 không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị T và anh Trần Văn Th kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn số 81/2021 ngày 20/12/2021 tại UBND xã Tr, huyện M, H. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho các bên. Trước khi đăng ký kết hôn chị T và anh Th đã chung sống với nhau từ năm 2019. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến tháng 03/2022 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân, theo chị T xác định do anh Th thường xuyên uống rượu say rồi chửi bới chị rất nhiều lần. Ngoài ra anh Th còn chơi bời cờ bạc không chăm lo làm ăn kinh tế, không lo cho gia đình. Cuối tháng 03/2022, do anh Th uống rượu say ném hết đồ đạc của chị T và thu gom hết đồ đạc của chị T đang làm ở huyện K không cho chị T sử dụng. Do mâu thuẫn vợ chồng nên từ ngày 04/1/2023 (âm lịch) chị T đã dọn về thuê trọ và sinh sống ở thôn N, xã N, huyện K, tỉnh H vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy, quan hệ vợ chồng giữa chị T và anh Th xảy ra nhiều mâu thuẫn, thường xuyên xảy ra cãi nhau. Hiện nay chị T đã chuyển về thuê trọ và sinh sống ở thôn N, xã N, huyện K, tỉnh H, vợ chồng đã sống ly thân từ ngày 04/1/2023 (âm lịch) đến nay, không quan tâm hỏi thăm đến nhau. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh Th đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị T xác định không còn tình cảm, không thể tiếp tục chung sống, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Th là có căn cứ, cần chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn để giải phóng cho các bên, ổn định cuộc sống là cần thiết và phù hợp với quy định pháp luật Hôn nhân và gia đình. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

- Về con chung: Chị T xác định không có nên Hội đồng xét xử không xét. Về tài sản chung, công sức, công nợ: Không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, 271, 273 của BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Quan hệ hôn nhân: Cho chị Bùi Thị T được ly hôn anh Trần Văn Th.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung, công sức, công nợ: Không xem xét.

4. Án phí: Chị T phải nộp 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Được trừ vào số tiền 300.000đ đã tạm ứng án phí theo biên lai số 0021086 ngày 15/5/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện M, thành phố H. (đã nộp đủ)

Quyền kháng cáo: Chị T có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Th vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Minh Đăng

Nơi nhận:
- *VKSND huyện M;*
- *Chi cục THADS huyện M;*
- *Các đương sự;*
- *UBND xã Tr;*
- *Lưu HS, VP.*